Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-03-18 10:11:47 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định thủ tục cấp, thu hồi bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải

Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 24/2017/TT-BGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

2. Thông tư số 59/2025/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 547/2013/QĐ-CTN ngày 22 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc gia nhập Công ước Lao động hàng hải năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải.[1]

---

[1] Thông tư số 24/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải có căn cứ ban hành như sau:

" *Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Kiểm tra về lao động hàng hải theo Công ước Lao động hàng hải năm 2006 (sau đây gọi tắt là Công ước MLC 2006) cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế.

2. Việc cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải theo quy định của Công ước MLC 2006 cho tàu biển Việt Nam có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc kiểm tra về lao động hàng hải cho tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến quốc tế và cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải, Giấy chứng nhận Lao động hàng hải theo Công ước MLC 2006.

Điều 3. Thủ tục cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I

1. Cục Hàng hải Việt Nam cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I cho tàu biển Việt Nam có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế.

2. Chủ tàu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I của chủ tàu theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 547/2013/QĐ-CTN ngày 22 tháng 3 năm 2013 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc gia nhập Công ước Lao động hàng hải năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển;

Căn cứ Sửa đổi, bổ sung năm 2014 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải.".

Thông tư số 59/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm"

b) 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển;

c) 01 văn bản của tổ chức, cá nhân cam kết chịu trách nhiệm về hoạt động của tàu thay cho người sở hữu tàu và đồng ý đảm nhận các nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ tàu theo quy định của Công ước MLC 2006 (trong trường hợp chủ tàu không đồng thời là chủ sở hữu tàu).

3. Trường hợp chủ tàu ủy quyền cho doanh nghiệp vận tải biển thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm thay cho chủ tàu để được cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I, ngoài hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp vận tải biển phải nộp:

a) 01 bản sao hợp đồng thuê tàu;

b) 01 giấy ủy quyền theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

4. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định tại điểm c khoản này; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn chủ tàu hoàn thiện hồ sơ ngay trong ngày làm việc;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Thông tư này và gửi chủ tàu 02 (hai) bản. Trường hợp không cấp Bản công bố phù hợp lao động hàng hải phần I, Cục Hàng hải Việt Nam phải có văn bản trả lời cho chủ tàu và nêu rõ lý do.

Điều 4. Thủ tục phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải cho tàu biển Việt Nam có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế.

2. Chủ tàu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này;

b) 01 (một) bản sao Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I đã được Cục Hàng hải Việt Nam cấp;

c) 01 (một) Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II do chủ tàu lập

theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư này;

d) 01 (một) bản sao Hợp đồng Lao động thuyền viên và Thỏa ước Lao động tập thể còn hiệu lực;

đ) 01 (một) bản sao các quy trình quản lý lao động hàng hải của chủ tàu.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định tại điểm c khoản này; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn chủ tàu hoàn thiện hồ sơ ngay trong ngày làm việc;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) [2]Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ; nếu kết quả thẩm định chưa đạt yêu cầu thì yêu cầu chủ tàu bổ sung, hoàn thiện;

d) Nếu kết quả thẩm định hồ sơ đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho chủ tàu để tổ chức đánh giá việc thực hiện Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và các quy định của Công ước MLC 2006 trên tàu biển;

đ) Nếu kết quả đánh giá trên tàu biển đáp ứng các quy định của Công ước MLC 2006 thì trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành việc đánh giá, Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II, cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải cho tàu biển theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này và gửi chủ tàu;

e) Nếu kết quả đánh giá trên tàu không đáp ứng các quy định của Công ước MLC 2006 thì trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành việc đánh giá, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và việc không cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải.

4. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận Lao động hàng hải là 05 (năm) năm với điều kiện tàu phải được kiểm tra trung gian một lần trong khoảng thời gian từ ngày đến hạn hàng năm lần thứ hai đến ngày đến hạn hàng năm lần thứ ba kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải để bảo đảm tàu vẫn đáp ứng yêu cầu của Công ước MLC 2006.

---

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 21 Chương VII Thông tư số 59/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025.

Điều 5. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời cho tàu biển Việt Nam có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu biển mới được bàn giao sau khi đóng;

b) Tàu thay đổi cờ quốc tịch;

c) Thay đổi chủ tàu.

2. Chủ tàu gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư này;

b) Bản sao Hồ sơ đề nghị cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I đã được gửi tới Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và xử lý như sau:

a) Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp, nếu hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo thời hạn quy định tại điểm c khoản này; nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định thì có văn bản hướng dẫn chủ tàu hoàn thiện hồ sơ ngay trong ngày làm việc;

b) Trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác, nếu hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Đăng kiểm Việt Nam có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho chủ tàu để tổ chức kiểm tra trên tàu biển về các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Nếu kết quả kiểm tra trên tàu biển đáp ứng các quy định của Công ước MLC 2006 thì trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành việc kiểm tra, Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này và gửi chủ tàu;

đ) Nếu kết quả kiểm tra trên tàu không đáp ứng các quy định của Công ước MLC 2006 thì trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi hoàn thành việc kiểm tra, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải trả lời chủ tàu bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời.

4. Nội dung kiểm tra trên tàu biển:

a) Các nội dung quy định tại Công ước MLC 2006;

b) Tài liệu, hồ sơ chứng minh rằng tàu đã có đủ các quy trình đáp ứng yêu cầu liên quan của Công ước MLC 2006;

c) Thuyền trưởng nắm vững các quy định của Công ước MLC 2006 và các trách nhiệm thực hiện.

5. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời cấp cho 01 (một) tàu là không quá 06 (sáu) tháng. Không được cấp tiếp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời sau khi Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời cấp lần đầu hết hạn hiệu lực.

Điều 6. Mất hiệu lực, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I

1. Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I bị mất hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi tên tàu;

b) Tàu thay đổi cờ quốc tịch;

c) Thay đổi chủ tàu.

2. Trong trường hợp thay đổi nội dung của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nêu trong Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I, Cục Hàng hải Việt Nam có nghĩa vụ hướng dẫn điều chỉnh, sửa đổi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I cho phù hợp.

3. Cục Hàng hải Việt Nam thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I trong trường hợp chủ tàu giả mạo, tẩy xóa hoặc cố ý làm sai lệch các thông tin liên quan.

Điều 7. Mất hiệu lực, thu hồi Giấy chứng nhận Lao động hàng hải

1. Giấy chứng nhận Lao động hàng hải bị mất hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Việc kiểm tra trung gian đối với tàu biển Việt Nam có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế không hoàn thành trong thời gian quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền xác nhận tàu không còn phù hợp với quy định của Công ước MLC 2006;

c) Tàu thay đổi cờ quốc tịch;

d) Thay đổi chủ tàu;

đ) Thay đổi kết cấu, trang thiết bị hoặc phương thức tuân thủ Công ước MLC 2006 theo quy định.

2. Cục Đăng kiểm Việt Nam thu hồi Giấy chứng nhận Lao động hàng hải trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu biển không còn khả năng đáp ứng đủ điều kiện tuân thủ quy định của pháp luật về lao động hàng hải;

b) Giả mạo, tẩy xóa hoặc cố ý làm sai lệch các thông tin liên quan nêu trong Giấy chứng nhận Lao động hàng hải và Bản công bố phù hợp Lao động

hàng hải phần II đã được phê duyệt.

Điều 8. Kiểm tra về lao động hàng hải cho tàu biển Việt Nam có tổng dung tích nhỏ hơn 500 GT hoạt động tuyến quốc tế

1. Cảng vụ hàng hải kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động hàng hải trên tàu biển Việt Nam có tổng dung tích nhỏ hơn 500 GT hoạt động tuyến quốc tế khi đến và rời vùng nước cảng biển thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Trường hợp chủ tàu có nguyện vọng được cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải thì thực hiện như đối với tàu biển Việt Nam có tổng dung tích từ 500 GT trở lên hoạt động tuyến quốc tế quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Thông tư này.

3. Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận lao động hàng hải cấp cho chủ tàu quy định tại khoản 2 Điều này mất hiệu lực, bị thu hồi theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này.

Điều 9. Phí và lệ phí cấp, phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải, Giấy chứng nhận Lao động hàng hải

Phí và lệ phí cấp, phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải, Giấy chứng nhận Lao động hàng hải thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 10. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có tàu biển được phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải, cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải:

a) Xuất trình Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải cho cảng vụ hàng hải, các cơ quan có liên quan tại cảng biển khi làm thủ tục cho tàu ra, vào cảng;

b) Thực hiện đúng theo nội dung trong Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải, Giấy chứng nhận Lao động hàng hải và các quy định của Công ước MLC 2006.

2. Trách nhiệm của cơ quan cấp, phê duyệt Bản công bố phù hợp lao động hàng hải, Giấy chứng nhận lao động hàng hải và kiểm tra về lao động hàng hải:

a) Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam: tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo đúng trình tự, thủ tục, thời gian quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định hồ sơ, phê duyệt và cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải, Giấy chứng nhận Lao động hàng hải.

b) Cảng vụ hàng hải: kiểm tra việc thực hiện pháp luật về lao động hàng hải đối với tàu biển Việt Nam theo quy định.

3. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế: chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I và việc phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II; kịp thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về những bất cập phát sinh và kiến nghị các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 11. Hiệu lực thi hành[3]

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 và thay thế Thông tư số 45/2013/TT-BGTVT ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ XÂY DỰNG

Số: 07/VBHN-BXD

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2026

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

---

[3] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 24/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 quy định như sau:

"**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

Điều 27 Chương X của Thông tư số 59/2025/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy và đăng kiểm, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

"**Điều 27. Điều khoản thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2025."

PHỤ LỤC I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI PHẦN I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /……	*……, ngày ... tháng ... năm ...*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI PHẦN I
(DMLC phần I)

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

- Tổ chức đề nghị: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... ; Fax: .....
- Chủ tàu: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: ..... ; Fax: .....

Đề nghị cho tàu biển được cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần I với các thông tin sau:

Tên tàu: ..... ; Quốc tịch: .....
Năm đóng: ..... ; Loại tàu: .....
Hô hiệu/Số IMO: ..... ; Tổng trọng tải (DWT): .....
Tổng dung tích: .....

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và quá trình hoạt động của tàu biển trên theo quy định của pháp luật./.

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- ..... ;
- ..... ;
- ..... ;
- Lưu: VT, …

Đề nghị này xin được gửi hoặc fax về địa chỉ sau:

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
08 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84) 4 37683198 Fax: (84) 4 37683058
Email: dichvuvantai@vinamarine.gov.vn

PHỤ LỤC II

MẪU VĂN BẢN ĐỒNG Ý ĐẢM NHẬN CÁC NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TÀU THEO QUY ĐỊNH CỦA CÔNG ƯỚC LAO ĐỘNG HÀNG HẢI NĂM 2006

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: /……	*……., ngày ... tháng ... năm ...*

GIẤY ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền:

(Chủ sở hữu tàu).....

Bên nhận ủy quyền:

(Tổ chức, cá nhân đồng ý thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ tàu theo quy định của Công ước MLC 2006) .....

Nội dung:

Căn cứ hợp đồng số ... ngày ... giữa ... về việc ……..(hợp đồng thuê tàu)

... (Bên ủy quyền) đồng ý giao cho ... (Bên nhận ủy quyền) thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ tàu theo quy định của Công ước MLC 2006 đối với tàu ...

... (Bên nhận ủy quyền) đồng ý đảm nhận các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 thay cho ... (Bên ủy quyền) đối với tàu ...

Thời hạn ủy quyền:.....

BÊN ỦY QUYỀN	**BÊN NHẬN ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC III

MẪU BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI PHẦN I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
VIET NAM MARITIME ADMINISTRATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Số: ……

No.

BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI - PHẦN I (DMLCI)
DECLARATION OF MARITIME LABOUR COMPLIANCE - PART I

(DMLC I)

(Công bố này phải kèm theo Giấy chứng nhận Lao động hàng hải của tàu)
(This Declaration must be attached to the ship's Maritime Labour Certificate)

Ban hành bởi: **Cục Hàng hải Việt Nam**
Issued by: ***Viet Nam Maritime Administration***

Theo các quy định của Công ước MLC 2006, con tàu sau đây:

With respect to the provisions of the Maritime Labour Convention, 2006, the following referenced ship:

Têu tàu **Name of ship**	**Số IMO** **IMO number**	**Tổng dung tích** **Gross tonnage**

được duy trì phù hợp với quy định của Tiêu chuẩn A5.1.3 của Công ước.

is maintained in accordance with Standard A5.1.3 of the Convention.

Người ký dưới đây thay mặt cơ quan có thẩm quyền, tuyên bố rằng:

The undersigned declares, on behalf of the abovementioned competent authority, that:

(a) Các quy định của Công ước Lao động hàng hải được bao gồm toàn bộ trong các quy định của quốc gia nói đến dưới đây;

The provisions of the Maritime Labour Convention are fully embodied in the national requirements referred to below;

(b) Các quy định của quốc gia được bao gồm trong các điều khoản ở dưới; các chú thích liên quan đến các quy định này được thêm vào nếu cần thiết;

The national requirements are contained in the national provisions referenced beIow; explanations concerning the content of those provisions are provided where necessary;

(c) Chi tiết của bất kỳ điều khoản tương đương nào trong Điều VI, khoản 3 và 4 của Công ước được nêu ra (theo quy định của quốc gia tương đương được liệt kê dưới đây);

The details of any substantial equivalencies under Article VI, paragraphs 3 and 4 of the Convention, are provided (under the corresponding national requirement listed below);

(d) Các điều khoản miễn trừ do cơ quan chức năng chấp thuận theo đề mục 3 của Công ước được nêu rõ trong các mục dưới đây;

Any exemptions granted by the competent authority in accordance with Title 3 of the Convention are clearly indicated in the section provided for this purpose below;

(e) Các quy định cụ thể đối với các loại tàu theo luật quốc gia cũng được nêu ở yêu cầu dưới đây.

Any ship-type specific requirements under national legislation are also referenced under the requirements concerned.

1. Độ tuổi tối thiểu (Quy định 1.1)

Minimum age (Regulation 1.1)

2. Giấy chứng nhận sức khỏe (Quy định 1.2)

Medical certification (Regulation 1.2)

3. Bằng cấp của thuyền viên (Quy định 1.3)

Qualifications of seafarers (Regulation 1.3)

4. Hợp đồng lao động của thuyền viên (Quy định 2.1)

Seafarers' employment agreements (Regulation 2.1)

5. Việc sử dụng các dịch vụ tuyển dụng và thay thế thuyền viên tư nhân theo quy định hoặc được cấp phép (Quy định 1.4)

Use of any licensed or certified or regulated private recruitment and placement service (Regulation 1.4)

6. Thời gian làm việc hoặc nghỉ ngơi (Quy định 2.3)

Hours of work or rest (Regulation 2.3)

7. Định biên thuyền bộ trên tàu (Quy định 2.7)

Manning levels for the ship (Regulation 2.7)

8. Chỗ ở của thuyền viên (Quy định 3.1)

Accommodation (Regulation 3.1)

9. Khu vực giải trí trên tàu (Quy định 3.1)

On-board recreational facilities (Regulation 3.1)

10. Thực phẩm và cung ứng thực phẩm (Quy định 3.2)

Food and catering (Regulation 3.2)

11. Sức khỏe, an toàn và phòng ngừa tai nạn (Quy định 4.3)

Health and safety and accident prevention (Regulation 4.3)

12. Chăm sóc sức khỏe trên tàu (Quy định 4.1)

On-board medical care (Regulation 4.1)

13. Quy trình khiếu nại trên tàu (Quy định 5.1.5)

On-board complaint procedures (Regulation 5.1.5)

14. Thanh toán tiền lương (Quy định 2.2)

Payment of wages (Regulation 2.2)

15.[1] An ninh tài chính để hồi hương thuyền viên (Quy định 2.5)

Financial security for repatriation (Regulation 2.5)

16. [2]An ninh tài chính liên quan đến trách nhiệm của Chủ tàu (Quy định 4.2)

Financial security relating to Shipowners' liability (Regulation 4.2)"

Tên: .....

Name

Chức danh: .....

Title

Chữ ký:.....

Signature

Địa điểm: .....

Place

Ngày: .....

[1] Số thứ tự này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

[2] Số thứ tự này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

Date

Đóng dấu của tổ chức có thẩm quyền (nếu có)
Seal or stamp of the authority (a appropriate)

Các điều khoản tương đương

Substanial Equivalencies

Các điều khoản tương đương như quy định trong Điều VI, khoản 3 và 4 của Công ước, trừ các điều khoản nói ở trên, được ghi chú như sau:

The following substantial equivalencies, as provided under Article VI, paragraphs 3 and 4, of the Convention, except where stated above, are noted:

.....

.....

Không có điều khoản tương đương nào được áp dụng.

No equivalency has been granted.

Các điều khoản miễn trừ

Exemptions

Các điều khoản miễn trừ sau do cơ quan chức năng phê duyệt như nêu ở đề mục 3 của Công ước:

The following exemptions granted by the competent authority as provided in Title 3 of the Convention are noted:

.....

.....

.....

Không có điều khoản miễn trừ nào được áp dụng.

No exemption has been granted.

Tên: .....

Name

Chức danh:.....

Title

Chữ ký: .....

Signature

Địa điểm: .....

Place

Ngày: .....

Date

Đóng dấu của tổ chức có thẩm quyền (nếu có) *Seal or stamp of the authority (as appropriate)*

PHỤ LỤC IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI PHẦN II VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI PHẦN II VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Số kiểm soát:

Chúng tôi đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam phê duyệt Bản DMLCII và đánh giá thực hiện MLC 2006 trên tàu biển như chi tiết dưới đây:

<table>
<tr><td>☐ Phê duyệt DMLCII</td><td colspan="2">☐ Lần đầu ☐ Bổ sung sửa đổi</td></tr>
<tr><td>☐ Đánh giá MLC trên tàu</td><td colspan="2">☐ Lần đầu ☐ Trung gian ☐ Cấp mới ☐ Tạm thời
☐ Bổ sung (lý do:)
☐ Khắc phục (lý do:)</td></tr>
<tr><td rowspan="5">Tàu</td><td>Tên tàu:</td><td>Số hiệu:</td></tr>
<tr><td>Loại tàu:</td><td>Số IMO:</td></tr>
<tr><td>Treo cờ:</td><td>Ngày đăng ký:</td></tr>
<tr><td>Cảng đăng ký:</td><td>Tổng dung tích:</td></tr>
<tr><td>Số GCN MLC (nếu có):</td><td>Ngày đóng (đặt ki):</td></tr>
<tr><td rowspan="5">Công ty</td><td colspan="2">Tên công ty:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Số nhận dạng duy nhất (số IMO):</td></tr>
<tr><td colspan="2">Người chịu trách nhiệm: Điện thoại: Email:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Địa chỉ công ty:</td></tr>
<tr><td colspan="2">Điện thoại: Fax:</td></tr>
<tr><td>Lịch đánh giá tàu</td><td colspan="2">Ngày dự kiến:</td></tr>
</table>

	Địa điểm dự kiến:		
	Người liên hệ:	Điện thoại:	Email:
	Điện thoại:	Fax:	

Mọi chi phí liên quan đến các hoạt động nêu trên, kể cả lệ phí cấp giấy chứng nhận, sẽ được chi trả bởi:

Công ty:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Mã số thuế/VAT Code (nếu có):

Ngày:

Đại diện bên đề nghị *(ký tên/đóng dấu)*

Đề nghị này xin được gửi hoặc fax về địa chỉ sau:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

18 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84) 4 37684715 ext.454 Fax: (84) 4 37684720

Email: truongpt@vr.org.vn hoặc vrqc@vr.org.vn

PHỤ LỤC V

MẪU BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI PHẦN II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Số:---------- No.

BẢN CÔNG BỐ PHÙ HỢP LAO ĐỘNG HÀNG HẢI - PHẦN II (DMLC II)

DECLARATION OF MARITIME LABOUR COMPLIANCE – PART II (DMLC II)

(Bản DMLCII này đi kèm với Bản DMLCI số: ----------)

(This DMLCII is attached to the DMLCI No.)

Các biện pháp đảm bảo luôn tuân thủ giữa các đợt kiểm tra

Measures adopted to ensure ongoing compliance between inspections

Các biện pháp sau đây do chủ tàu thiết lập, được ghi vào Bản công bố kèm theo Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, đảm bảo tuân thủ giữa các đợt kiểm tra

The following measures have been drawn up by the shipowner, named in the Maritime Labour Certificate to which this Declaration is attached, to ensure ongoing compliance between inspections

1. Tuổi lao động tối thiểu (Quy định 1.1)

Minimum age (Regulation 1.1)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

2. Chứng nhận y tế (Quy định 1.2)

Medical certification (Regulation 1.2)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

3. Chứng nhận năng lực chuyên môn của thuyền viên (Quy định 1.3) ☐

Qualification of seafarers (Regulation 1.3)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

4. Thỏa thuận tuyển dụng của thuyền viên (Quy định 2.1) ☐

Seafarers' employment agreements (Regulation 2.1)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

5. Việc sử dụng các dịch vụ tuyển dụng và thay thế thuyền viên tư nhân theo quy định hoặc được cấp giấy phép (Quy định 1.4) ☐

Use of any licensed or certified or regulated private recruitment and placement service (Regulation 1.4)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

6. Giờ làm việc hoặc giờ nghỉ ngơi (Quy định 2.3) ☐

Hours of work or rest (Regulation 2.3)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

7. Định biên của tàu (Quy định 2.7) ☐

Manning levels for the ship (Regulation 2.7)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

8. Chỗ ở của thuyền viên (Quy định 3.1) ☐

Accommodation (Regulation 3.1)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

9. Khu vực giải trí trên tàu (Quy định 3.1) ☐

On-board recreational facilities (Regulation 3.1)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

10. Thực phẩm và cung ứng thực phẩm (Quy định 3.2) ☐

Food and catering (Regulation 3.2)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

11. Sức khỏe, an toàn và phòng ngừa tai nạn (Quy định 4.3) ☐

Health and safety and accident prevention (Regulation 4.3)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

12. Chăm sóc y tế trên tàu (Quy định 4.1) ☐

On-board medical care (Regulation 4.1)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

13. Quy trình khiếu nại trên tàu (Quy định 5.1.5) ☐

On-bard complaint procedures (Regulation 5.1.5)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

14. Thanh toán tiền lương (Quy định 2.2)

Payment of wages (Regulation 2.2)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Ship Owner:

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

15.[3] An ninh tài chính để hồi hương thuyền viên (Quy định 2.5)

Financial security for repatriation (Regulation 2.5)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Shipowner:

.....

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

.....

16.[4] An ninh tài chính liên quan đến trách nhiệm của Chủ tàu (Quy định 4.2)

Financial security relating to Shipowners' liability (Regulation 4.2)

Các biện pháp được Chủ tàu thực hiện:

Measures taken by the Shipowner:

.....

.....

Tham khảo:

Reference:

.....

[3] Số thứ tự này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

[4] Số thứ tự này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 24/2017/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung Phụ lục III và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định thủ tục cấp, phê duyệt, thu hồi Bản công bố phù hợp lao động hàng hải và Giấy chứng nhận Lao động hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2017.

.....

Tôi dưới đây chứng nhận rằng các biện pháp nêu trên đã được soạn thảo đảm bảo luôn phù hợp, giữa các đợt kiểm tra, với các yêu cầu nêu tại Phần I.

I hereby certify that the above measures have been drawn up to provide ongoing compliance, between inspections, with the requirements listed in Part I.

Chủ tàu:

Ship's owner:.....

Địa chỉ công ty:

Company address:.....

Người được ủy quyền:

Name of the authorized signatory.....

Chức vụ:

Title:.....

Chữ ký:

Signature of the authorized:.....

Ngày:

Date: .....

(Đóng dấu/Stamp)

Các biện pháp nêu trên đã được xem xét bởi **Cục Đăng kiểm Việt Nam** và, sau khi kiểm tra tàu, được xác định là thỏa mãn các mục đích nêu trong Tiêu chuẩn A5.1.3, mục 10(b), liên quan đến các biện pháp đảm bảo tính phù hợp từ đầu và liên tục với các yêu cầu nêu tại Phần I của Bản công bố này.

The above measures have been reviewed by **Viet Nam Register** and, following inspection of the ship, have been determined as meeting the purposes set out under Standard A5.1.3, paragraph 10(b), regarding measures to provide initial and ongoing compliance with the requirements set out in Part I of this Declaration.

Tên/Name: .....

Chức danh/ Title: .....

Địa chỉ/ Address: .....

.....

.....

Chữ ký/ Signature:.....

Nơi/ Place: .....

Ngày/ Date: .....

(Đóng dấu của Cơ quan có thẩm quyền)/
(Seal or stamp of the authority, as appropriate)

PHỤ LỤC VI

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIET NAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Số: ……

No.

GIẤY CHỨNG NHẬN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

MARITIME LABOUR CERTIFICATE

(Lưu ý: Kèm theo Giấy chứng nhận này phải có Bản Công bố phù hợp Lao động hàng hải)

(Note: This Certificate shall have a Declaration of Maritime Labour Compliance attached)

Cấp theo quy định của Điều V và Đề mục 5 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 (sau đây gọi là "Công ước") theo ủy quyền của Chính phủ: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Issued under the provisions of Article V and Title 5 of the Maritime Labour Convention, 2006 (referred to below as "the Convention") under the authority of the Government of: ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM***

Bởi **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM** Địa chỉ: **Số 18, đường Phạm Hùng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**

By **VIETNAM REGISTER** Address: **No. 18, Pham Hung road, Ha Noi city, Viet Nam**

Thông số của tàu

Particulars of ship

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc số hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Ngày đăng ký Date of Registry	Số IMO IMO Number	Tổng dung tích[1] Gross Tonnage[1]

Kiểu tàu Type of Ship	Tên và địa chỉ chủ tàu[2] Name and Address of the Shipowner[2]

Chúng nhận rằng:

This is to certify that:

1. Tàu đã được kiểm tra và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của Công ước và các điều khoản của Bản Công bố phù hợp Lao động hàng hải kèm theo.

This ship has been inspected and verified to be in compliance with the requirements of the Convention, and the provisions of the attached Declaration of Maritime Labour Compliance.

2. Các điều kiện làm việc và sinh hoạt của thuyền viên quy định tại Phụ chương A5-I của Công ước thỏa mãn các yêu cầu của quốc gia nêu trên trong việc thực hiện Công ước. Các yêu cầu quốc gia này được tóm tắt trong Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải, Phần I.

The seafarers' working and living conditions specified in Appendix A5-I of the Convention were found to correspond to the abovementioned country's national requirements implementing the Convention. These national requirements are summarized in the Declaration of Maritime Labour Compliance, Part I.

1. Đối với các tàu áp dụng chế độ đo dung tích chuyển tiếp được IMO thông qua, tổng dung tích được ghi vào cột GHI CHÚ của Giấy chứng nhận dung tích quốc tế (1969). Xem Điều II(1)(c) của Công ước.

For ships covered by the interim scheme for tonnage measurement adopted by IMO, the gross tonnage is that which is included in the REMARKS column of the International Tonnage Certificate (1969). See Article II(1)(c) of the Convention.

2. Chủ tàu là người sở hữu tàu hoặc tổ chức hay người khác, như người quản lý, đại lý hoặc người thuê tàu trần, đảm nhận trách nhiệm đối với hoạt động của tàu từ người sở hữu và người, khi đảm nhận trách nhiệm đó, đã đồng ý chuyển giao các nhiệm vụ và trách nhiệm đối với các chủ tàu phù hợp với Công ước này, bất kể có hay không bất kỳ tổ chức hoặc người nào khác thực hiện các nhiệm vụ hoặc trách nhiệm nào đó thay mặt chủ tàu. Xem điều II(1)(j) của Công ước.

Shipowner means the owner of the ship or another organization or person, such as the manager, agent or bareboat charterer, who has assumed the responsibility for the operation of the ship from the owner and who, on assuming such responsibility, has agreed to take over the duties and responsibilities imposed on shipowners in accordance with this Convention, regardless of whether any other organizations or persons fulfil certain of the duties or responsibilities on behalf of the shipowner. See Article II(1)(j) of the Convention.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày: với điều kiện tàu phải được kiểm tra phù hợp

This Certificate is valid until: _____ subject to inspection in accordance

với Tiêu chuẩn A5.1.3 và A5.1.4 của Công ước.

with Standard A5.1.3 and A5.1.4 of the Convention.

Giấy chứng nhận này chỉ có hiệu lực khi Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải được cấp

This Certificate is valid only when the Declaration of Maritime Labour Compliance issued

Tại: Ngày: được đính kèm.

At: _____ On: _____ is attached.

Ngày hoàn thành kiểm tra làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận này:

Completion date of the inspection on which this Certificate is based: ___

Cấp tại: Ngày:

Issued at: _____ Date: _____

Người ký tên dưới đây xác nhận Chính phủ nói trên đã ủy quyền cho Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận này.

The undersigned declares that Vietnam Register is duly authorized by the said Government to issue this Certificate.

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

VIETNAM REGISTER

Kiểm tra xác nhận trung gian bắt buộc và, nếu yêu cầu, kiểm tra bổ sung bất kỳ

Endorsements for mandatory intermediate inspection and, if required, any additional inspection

Chứng nhận rằng tàu đã được kiểm tra phù hợp với Tiêu chuẩn A5.1.3 và A5.1.4 của Công ước và nhận thấy các điều kiện sống và làm việc của thuyền viên quy định tại Phụ chương A5-I của Công ước phù hợp với các yêu cầu của quốc gia nêu trên trong việc thực hiện Công ước.

This is to certify that the ship was inspected in accordance with Standards A5.1.3 and A5.1.4 of the Convention and that the seafarers' working and living conditions specified in Appendix A5-I of the Convention were found to correspond to the abovementioned country's national requirements implementing the Convention.

Kiểm tra trung gian:	Chữ ký:
Intermediate inspection:	Signed: _____
(Hoàn thành vào trong khoảng giữa ngày ấn định kiểm tra hàng năm thứ hai hoặc thứ ba)	Địa điểm:
	Place:_____
	Ngày:
(To be completed between the second and third anniversary dates)	Date: _____
	(Đóng dấu của tổ chức được ủy quyền)
	(Seal or stamp of the authority, as appropriate)

Kiểm tra xác nhận bổ sung (nếu yêu cầu)

Additional endorsements (if required)

Chứng nhận rằng tàu đã được kiểm tra bổ sung với mục đích xác nhận tàu tiếp tục phù hợp với các yêu cầu quốc gia trong việc thực hiện Công ước, như quy định tại Tiêu chuẩn A3.1, mục 3, của Công ước (đăng ký lại hoặc thay đổi lớn chỗ ở của thuyền viên) hoặc vì các lý do khác.

This is to certify that the ship was the subject of an additional inspection for the purpose of verifying that the ship continued to be in compliance with the national requirements implementing the Convention, as required by Standard A3.1, paragraph 3, of the Convention (re-registration or substantial alteration of accommodation) or for other reasons.

Kiểm tra bổ sung:	Chữ ký:
Additional inspection:	Signed: _____
(Nếu yêu cầu)	Địa điểm:
(If required)	Place:_____
	Ngày:
	Date: _____
	(Đóng dấu của tổ chức được ủy quyền)
	(Seal or stamp of the authority, as appropriate)

Kiểm tra bổ sung:	Chữ ký:
Additional inspection:	Signed: _____

(Nếu yêu cầu) (If required)	Địa điểm: Place:_____ Ngày: Date: _____ (Đóng dấu của tổ chức được ủy quyền) (Seal or stamp of the authority, as appropriate)
Kiểm tra bổ sung: ***Additional inspection:*** (Nếu yêu cầu) (If required)	Chữ ký: Signed: _____ Địa điểm: Place:_____ Ngày: Date: _____ (Đóng dấu của tổ chức được ủy quyền) (Seal or stamp of the authority, as appropriate)

PHỤ LỤC VII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI TẠM THỜI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2015/TT-BGTVT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIET NAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Số: ……

No.

GIẤY CHỨNG NHẬN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI TẠM THỜI

INTERIM MARITIME LABOUR CERTIFICATE

Cấp theo quy định của Điều V và Đề mục 5 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 (sau đây gọi tắt là "Công ước") theo ủy quyền của Chính phủ: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Issued under the provisions of Article V and Title 5 of the Maritime Labour Convention, 2006 (referred to below as "the Convention") under the authority of the Government of: ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***

Bởi **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM** Địa chỉ: **Số 18, đường Phạm Hùng, thành phố Hà Nội, Việt Nam**

By **VIETNAM REGISTER** Address: **No. 18, Pham Hung road, Ha Noi city, Viet Nam**

Thông số của tàu

Particulars of ship

Tên tàu Name of Ship	Số đăng ký hoặc số hiệu Distinctive Number or Letters	Cảng đăng ký Port of Registry	Ngày đăng ký Date of Registry	Số IMO IMO Number	Tổng dung tích[1] Gross Tonnage[1]

Kiểu tàu Type of Ship	Tên và địa chỉ chủ tàu[2] Name and Address of the Shipowner[2]

Chứng nhận rằng, theo mục đích của mục 7, Tiêu chuẩn A5.1.3, của Công ước:

This is to certify, for the purposes of Standard A5.1.3, paragraph 7, of the Convention, that:

(a) Tàu này đã được kiểm tra, đến mức hợp lý và thực tế có thể thực hiện được, theo các nội dung được liệt kê trong Phụ chương A5-I của Công ước, lưu ý đến việc thẩm tra xác nhận các mục được nêu ở (b), (c) và (d) dưới đây;

This ship has been inspected, as far as reasonable and practicable, for the matters listed in Appendix A5-I to the Convention, taking into account verification of items under (b), (c) and (d) below;

(b) Chủ tàu đã chứng minh với cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức được công nhận là tàu có các quy trình thích hợp để tuân thủ Công ước;

The shipowner has demonstrated to the competent authority or recognized organization that the ship has adequate procedures to comply with the Convention;

(c) Thuyền trưởng nắm được các yêu cầu của Công ước và trách nhiệm thực hiện; và

The master is familiar with the requirements of the Convention and the responsibilities for implementation; and

(d) Thông tin thích hợp đã được đệ trình cho cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức được công nhận để cấp Bản Công bố phù hợp Lao động hàng hải.

Relevant information has been submitted to the competent authority or recognized organization to produce a Declaration of Maritime Labour Compliance.

1 Đối với các tàu áp dụng chế độ đo dung tích chuyển tiếp được IMO thông qua, tổng dung tích được ghi vào cột GHI CHÚ của Giấy chứng nhận dung tích quốc tế (1969). Xem Điều II(1)(c) của Công ước.

For ships covered by the tonnage measurement interim scheme adopted by the IMO, the gross tonnage is that which is included in the REMARKS colunm of the International Tonnage Certificate (1969). See Article II(1)(c) of the Convention.

2 Chủ tàu là người sở hữu tàu hoặc tổ chức hay người khác, như người quản lý, đại lý hoặc người thuê tàu trần, đảm nhận trách nhiệm đối với hoạt động của tàu từ người sở hữu và người, khi đảm nhận trách nhiệm đó, đã đồng ý chuyển giao các nhiệm vụ và trách nhiệm đối với các chủ tàu phù hợp với Công ước này, bất kể có hay không bất kỳ tổ chức hoặc người nào khác thực hiện các nhiệm vụ hoặc trách nhiệm nào đó thay mặt chủ tàu. Xem điều II(1)(j) của Công ước.

Shipowner means the owner of the ship or another organization or person, such as the manager, agent or bareboat charterer, who has assumed the responsibility for the operation of the ship from the owner and who, on assuming such responsibility, has agreed to take over the duties and responsibilities imposed on shipowners in accordance with this Convention, regardless of whether any other

organizations or persons fulfil certain of the duties or responsibilities on behalf of the shipowner. See Article II(1)(j) of the Convention.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày:...với điều kiện tàu phải được kiểm tra phù hợp với

This Certificate is valid until:...subject to inspection inaccordance with

Tiêu chuẩn A5.1.3 và A5.1.4 của Công ước.

Standard A5.1.3 and A5.1.4 of the Convention.

Ngày hoàn thành kiểm tra làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận này:

Completion date of the inspection on which this Certificate is based ____

Cấp tại: Ngày:

Issued at: _____ Date:_____

Người ký tên dưới đây xác nhận Chính phủ nói trên đã ủy quyền cho Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp Giấy chứng nhận này.

The undersigned declaxes that Viet Nam Register is duly authorized by the said Government to issue this Certificate.

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

VIET NAM REGISTER